TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀI ĐỨC** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2017/DS-ST
Ngày: 10-8-2017.
V/v tranh chấp: Kiện đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thanh Hải;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Danh Tiến;
2. Bà Nguyễn Thị Lệ.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngát - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2017/TLST-DS ngày 21/6/2017 về việc tranh chấp "Kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2017/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Trọng S, sinh năm 1948;

Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện HD, thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện HD, thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện HD, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện HD, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

4. Người làm chứng: Anh Đặng Hoài P, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện HD, thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Phan Trọng S trình bày:

Ông và ông Nguyễn Hữu M là chỗ họ hàng và là hàng xóm của nhau cùng ở tại thôn C, xã L, HD, Hà Nội. Khi ông M cần tiền đã hỏi vay ông số tiền là 2.400.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng). Ông đồng ý cho ông M vay số tiền trên và anh Đặng Hoài P (là người cùng quê) đã viết hộ giấy vay tiền ghi ngày 30/8/2012. Trong giấy vay tiền có nội dung số tiền vay là 2.400.000.000đ, ông M hẹn đến ngày 30/3/2013 sẽ trả số tiền trên và lãi suất là 2%/tháng, lãi sẽ trả hàng tháng.

Khi ông M hỏi vay tiền có hứa với ông sẽ mượn nhà chị gái để thế chấp vay tiền ngân hàng để trả ông số nợ trên. Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ là ngày 30/3/2013 ông M không trả được số tiền trên cho ông. Ông đã nhiều lần đòi số tiền trên nhưng ông M chỉ hứa hẹn sẽ trả nợ nhưng đến nay chưa trả cho ông.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu M phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 2.400.000.000 đồng.

Về toàn bộ tiền lãi của khoản nợ nêu trên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Hữu M trình bày:

Về quan hệ giữa ông và ông Phan Trọng S, ông hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của ông S cụ thể: Ông và ông S là chỗ họ hàng và là hàng xóm của nhau cùng ở tại Thôn C, xã L, HD, Hà Nội.

Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên khoảng năm 2009 hoặc 2010 (ông không nhớ chính xác), ông có vay của ông S số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) việc nhận tiền diễn ra tại nhà ông S và khi vay số tiền này hai bên không làm giấy tờ biên nhận. Hai bên cũng không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả tiền. Sau đó khoảng một tháng ông lại tiếp tục vay ông S số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) nữa nhưng lúc này ông S chỉ đồng ý và đưa cho ông vay 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) tại nhà ông S. Lúc này ông có viết giấy vay nợ ông S tổng cộng là 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Vì ông S tính gốc và lãi của các khoản vay từ trước đến nay ông đã vay của ông S. Giấy vay nợ này chỉ có 01 bản và do ông S giữ. Số tiền này ông cũng chưa thanh toán cho ông S. Khoảng vài tháng sau kể từ khi viết giấy vay nợ nêu trên, ông tiếp tục hỏi vay ông S

200.000.000đ nhưng ông S chỉ đưa cho ông 2.000USD và 70.000.000đ, sau đó tiếp tục đưa thêm 30.000.000đ. Việc đưa tiền vay nợ này không có giấy tờ, văn bản hay người làm chứng. Ngay sau đó ông có viết giấy vay nợ ông S với tổng cộng số tiền là 550.000.000 đ. Đây là tổng số tiền cả gốc và lãi từ trước đến nay ông đã vay của ông S, bao gồm cả giấy vay tiền ông đã viết trước đó là 350.000.000đ. Việc tính lãi hoàn toàn do ông S quyết định, ông không tham gia và cũng không có ý kiến gì về việc này. Giấy vay nợ này cũng chỉ có 01 bản và do ông S cất giữ. Các khoản vay trên đến nay ông đều chưa trả cho ông S. Sau nhiều lần đòi nợ do ông không có tiền trả nên ông S đã ép buộc ông phải viết "giấy vay tiền và cam kết trả nợ" ngày 30/8/2012, trong đó ghi rõ số tiền vay là 2.400.000.000đ (hai tỷ bốn trăm triệu đồng), hạn trả nợ là đến 30/3/2013, lãi suất vay là 2%/tháng. Ông đồng ý ký tên mình trong giấy vay tiền trên và lúc đó có anh Đặng Hoài P là người quen của ông và ông S ở cùng xã L làm chứng và cùng ký tên vào giấy vay tiền này.

Ông xác nhận "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ" lập ngày 30/8/2012 dưới mục "Người vay tiền ký" ông đã tự ký tên ông và ghi đầy đủ họ tên là "Nguyễn Hữu M". Việc ông ký giấy là do ông S ép nợ buộc ông ký nhưng ông không báo chính quyền địa phương hay cơ quan chức năng nào khác đồng thời cũng không có chứng cứ tài liệu gì về việc này.

Hiện tại, ông khẳng định chỉ vay ông S số tiền như đã trình bày tổng cộng là 385.000.000đ và 2.000 USD và khoản tiền lãi của số tiền này theo ông tính là khoảng 125.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng). Ông không thừa nhận việc vay ông S khoản tiền 2.400.000.000đ (hai tỷ bốn trăm triệu đồng) theo "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ" lập ngày 30/8/2012. Nay ông S khởi kiện yêu cầu ông trả nợ số tiền nợ gốc là 2.400.000.000đ (hai tỷ bốn trăm triệu đồng) theo "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ" lập ngày 30/8/2012 ông không đồng ý, ông chỉ đồng ý trả cho ông S số tiền gốc là 425.000.000đ (bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng) và 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) tiền lãi, tổng cộng 1 khoản là 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà là vợ của ông Phan Trọng S. Khoảng năm 2001, ông S được bố mẹ đẻ cho 02 mảnh đất, do không có nhu cầu sử dụng nên ông S đã bán 02 mảnh đất này và có một số tiền. Cụ thể số tiền này là bao nhiêu thì bà không biết rõ vì mọi việc kinh tế trong gia đình từ trước đến nay đều do ông S quản lý và quyết định. Bà biết

ông Nguyễn Hữu M là chỗ quan hệ hàng xóm gần nhà ông bà. Ông M đã nhiều lần hỏi vay tiền ông S, tuy nhiên việc vay mượn cụ thể như thế nào thì bà không biết. Đối với "Giấy vay tiền và cam kết trả nợ" lập ngày 30/8/2012 giữa ông S và ông M bà không chứng kiến và không biết nội dung, chỉ sau này bà có được ông S nói lại là cho ông M vay 2.400.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm triệu đồng). Nay có việc ông S khởi kiện yêu cầu ông M trả số tiền 2.400.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm triệu đồng), quan điểm của bà đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết, đảm bảo quyền lợi cho ông S. Bà khẳng định việc vay nợ này là của riêng ông S, bà không liên quan và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Hữu M. Trong quá trình chung sống từ trước đến nay kinh tế trong gia đình bà đều do bà quản lý. Việc ông M vay tiền của ông S bao nhiêu, vay thời điểm nào và vay để làm gì thì bà không tham gia, không chứng kiến và cũng không ký giấy nhận nợ cùng ông M. Ông M cũng không nói với bà và cũng chưa bao giờ đưa tiền cho bà để bà chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, khi gia đình có việc lớn như sửa chữa, xây dựng nhà cửa thì bà phải vay tiền ngân hàng. Nay có việc ông S khởi kiện yêu cầu ông M phải trả số tiền đã vay là 2.400.000.000đ (hai tỷ bốn trăm triệu đồng) thì bà đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết. Việc này bà hoàn toàn không biết và không liên quan và không chịu trách nhiệm.

**** Người làm chứng là anh Đặng Hoài P trình bày:***

Anh, ông Nguyễn Hữu M và ông Phan Trọng S không có quan hệ họ hàng mà chỉ là hàng xóm với nhau. Ngày 30/8/2012, khi anh tình cờ đi qua nhà ông S và có rẽ vào nhà ông S chơi. Khi vào nhà anh thấy có cả ông M cũng có mặt, sau đó ông M và ông S cùng nhờ anh viết hộ "giấy vay tiền và cam kết trả nợ", nội dung ông S có cho ông M vay số tiền 2.400.000.000đ (hai tỷ bốn trăm triệu đồng), thời hạn vay đến ngày 30/3/2013 thì phải trả. Sau khi anh viết xong có đọc lại cho 2 ông cùng nghe và ông M có tự ký tên vào giấy vay tiền này dưới mục: *"L ngày 30/8/2012 – Người vay tiền ký"*. Việc các ông giao nhận tiền ở đâu anh không chứng kiến, mục đích vay làm gì anh không biết.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị tòa án buộc ông Nguyễn Hữu M phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 2.400.000.000 đồng. Về toàn bộ tiền lãi của khoản nợ trên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn: Giữ nguyên lời trình bày tại Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi số tiền 2.400.000.000đ, chỉ chấp nhận trả tổng số khoản vay là 550.000.000đ (đã bao gồm cả gốc và lãi) ngoài ra không đồng ý trả khoản tiền nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 116, 117, 163, 164 và Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S buộc ông M trả cho ông S số tiền 2.4000.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm triệu đồng).

Về án phí: Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông S. Ông M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luật tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đây là vụ kiện phát sinh từ hợp đồng vay tài sản là tiền giữa ông Phan Trọng S và ông Nguyễn Hữu M với số tiền nợ là: 2.400.000.000đ, tuy nhiên thời hiệu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo thỏa thuận vay nợ của 02 bên đương sự đã hết từ ngày 31/3/2015 nên ông S khởi kiện vụ án về kiện đòi tài sản; ông M có nơi cư trú tại huyện HD, thành phố Hà Nội nên Toà án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ

Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vụ án vắng mặt họ là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, lời khai của người làm chứng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Nguyễn Hữu M thừa nhận có giao dịch nhiều lần về việc vay tài sản (tiền Việt Nam đồng) của ông Phan Trọng S nhưng cho rằng chỉ vay nợ tổng 1 khoản là 550.000.000đ bao gồm cả gốc và tiền lãi. Tuy nhiên ông S cho rằng ông có cho ông M vay số tiền là 2.400.000.000đ (hai tỷ bốn trăm triệu đồng) được thể hiện tại *"Giấy vay tiền và cam kết trả nợ"* lập ngày 30/8/2012. Xét tại văn bản này dưới mục *"Người vay tiền ký"* ông M đã tự ký tên ông và ghi đầy đủ họ tên là Nguyễn Hữu M. Ông M thừa nhận có biết rõ nội dung văn bản này, tuy nhiên do đang nợ tiền ông S nên viết gì ông cũng ký. Ông S là người khiếm thị từ nhiều năm nay còn ông M đã nhiều lần lập hồ sơ tín dụng với Ngân hàng để vay nợ tiền; đồng thời tại thời điểm viết giấy vay nợ ngày 30/8/2012 còn có anh Đặng Hoài P là người trực tiếp viết hộ giấy vay nợ và chứng kiến sự việc. Như vậy, có thể khẳng định ông M đã hiểu rõ nghĩa vụ dân sự của mình khi ký giấy vay nợ với ông S. Việc ông M cho rằng tại thời điểm viết Giấy vay tiền bị ông S ép buộc phải ký và ông không vay ông S số tiền 2.400.000.000đ. Tuy nhiên ông M không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh số tiền cụ thể ông vay của ông S cũng như về việc bị ép buộc ký giấy nhận nợ.

Do đó giao dịch về vay nợ tiền lập ngày 30/8/2012 giữa ông S và ông M là có thật và có giá trị pháp lý, đồng thời giao dịch này phát sinh nghĩa vụ dân sự (nghĩa vụ trả nợ tiền của ông M) đối với ông S.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của ông S là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các Điều 116, 117, 163, 164 và Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với khoản tiền lãi thỏa thuận tại giấy vay tiền lập ngày 30/8/2012 giữa ông S và ông M, xét ông S tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét, nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Nguyễn Hữu M phải có trách nhiệm trả số tiền nợ nêu trên và không yêu cầu bà Nguyễn Thị B (là vợ ông M) phải cùng chịu

trách nhiệm liên đới trả nợ; đồng thời lời khai của bà B xác định không biết việc vay mượn tiền giữa ông S và ông M, bà cũng không ký tên trong giấy vay tiền ông S, ông M vay tiền của ông S là để chi tiêu cá nhân, không phục vụ sinh hoạt hoặc phát triển kinh tế gia đình.

Do đó, chỉ có căn cứ xác định số tiền nợ nêu trên là khoản vay riêng của ông M không liên quan đến bà B nên không có căn cứ buộc bà B phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông S.

Quan điểm của VKS nhân dân huyện Hoài Đức đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Hữu M phải trả cho ông Phan Trọng S số tiền còn nợ là 2.400.000.000đ là có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

Về án phí:

Ông Nguyễn Hữu M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông S không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35; Điều 39; Điều 144, Điều 147 và Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 116, 117, 163, 164, Điều 166 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về kiện đòi tài sản của ông Phan Trọng S đối với ông Nguyễn Hữu M.

2. Buộc ông Nguyễn Hữu M phải trả cho ông Phan Trọng S số tiền: 2.400.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự; thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

- Ông Nguyễn Hữu M phải chịu 80.000.000đ *(Tám mươi triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Phan Trọng S số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) ông đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0009954 ngày 21/6/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;*

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại Trụ sở UBND xã (phường) nơi cư trú của họ.

Nơi nhận:
- TAND. Thành phố HN;
- VKSND. huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Hải